

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/11/2019.

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương ngô Phiên.

2. Ông Lục Viết Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/9/2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 63/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Mã Văn H, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LT, xã TT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn CG, xã DL, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh Mã Văn H trình bày:

Anh và chị G có được tự nguyện tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế vào ngày 16/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị G có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên bỏ bê gia đình, không còn chung sống với chồng con nữa. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên anh xin ly hôn chị G.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Mã Thị T, sinh ngày 25/02/2015 và cháu Mã Bảo C, sinh ngày 31/12/2016, hiện cả hai con chung

đang ở với anh. Anh xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của anh H lưu trong hồ sơ vụ án.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình xử cho anh H được ly hôn chị G. Về việc nuôi con: Giao cháu Mã Thị T và Mã Thị C cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh H thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung với chị G, chị G có địa chỉ cư trú tại xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Tại phiên tòa anh H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H và chị G.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị G không quan tâm, chăm lo cho gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, hôn nhân thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh H xin ly hôn chị G là có căn cứ chấp nhận theo quy

định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

- Về việc nuôi con: Từ khi sinh ra cháu T và cháu C đã ở với anh H, chị G không quan tâm, chăm lo cho con; Từ khi chị G bỏ nhà đi cũng không về thăm nom con nên cần giao cháu T, cháu C cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu, vấn đề cấp dưỡng anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Anh H thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Mã Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị G.

3. Về việc nuôi con: Giao cháu Mã Thị T, sinh ngày 25/02/2015 và cháu Mã Bảo C, sinh ngày 31/12/2016 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tiền án phí: Miễn tiền án phí cho anh Mã Văn H.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc G;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc G;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế.
- Các đương sự.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang